

Bản án số: 143/2024/HSST

Ngày 07 tháng 03 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Thẩm phán: Bà Nguyễn Bích Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Dung

Bà Chu Thị Kim Oanh

Bà Nguyễn Vũ Thị Tuyền Mai

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Đào Hoàng Vân - *Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2024/TLST-HS ngày 22/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXXST-HS ngày 23/02/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trường A, sinh năm: 1978; Giới tính: Nam; HKTT: Số 5 ngách 76/29 phố AD, phường YP, quận TH, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Trường G; Con bà: Nguyễn Thị Thanh L; Vợ là: Nguyễn Thị N; Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm: 2005; con nhỏ nhất sinh năm: 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt và tạm giam từ ngày 20/9/2022; Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội; Có mặt.

2. Ngô Thị D, sinh năm: 1990; Giới tính: Nữ; HKTT: Số 2101 H2 Chung cư HUD3 số 60 NĐC, phường TM, quận HM, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Ngô Văn D1; Con bà: Nguyễn Thị S; Chồng: Chưa; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm: 2015; con nhỏ sinh năm: 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị bắt và

tạm giam từ ngày 21/9/2022 đến ngày 06/10/2023; Hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

*** Bị hại:**

- Công ty TNHH Công nghệ MPT VN; Người đại diện theo pháp luật là: Trần Thị Thu H, Giám đốc; Có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Ngô Văn D1, sinh năm 1971; Địa chỉ: số 2 ngõ 105 phố NĐC, phường TM, quận HM, Hà Nội; (bố bị cáo D); Có mặt.

- Anh Âu Duy H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 2 Phường VH, quận LB, Hà Nội; Vắng mặt.

- Anh Bùi Xuân B, sinh năm 1988; Địa chỉ: 24 ngõ 2 CĐ, quận HK, Hà Nội; Vắng mặt.

- Chị Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1989; Địa chỉ: P1205 chung cư D1 CT2 TNLĐ, phường HL, quận HM, Hà Nội; Vắng mặt.

- Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ MP; Trụ sở: 22 phố KĐ, quận HM, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật là: Ông Mai Thanh T, Giám đốc; Có mặt.

*** Người bào chữa:**

- Luật sư Nguyễn Thị P, Công ty Luật Hợp danh Nguyễn Huy M, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; bào chữa cho bị cáo D; Có mặt.

- Luật sư Đỗ Thị H, Văn phòng Luật sư BT, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, bào chữa cho bị cáo A; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trường A (sinh năm: 1978, trú tại: Số 5 ngách 76/29 phố AD, phường YP, quận TH, Hà Nội) được tuyển dụng vào làm tại Công ty TNHH phát triển công nghệ MP từ năm 2004, có ký kết hợp đồng lao động. Công ty MP đóng bảo hiểm xã hội cho A tại Bảo hiểm Xã hội quận Hoàng Mai, Hà Nội từ tháng 7/2005 đến tháng 02/2022. Giám đốc công ty giao cho A phụ trách quản lý kho hàng, kiêm nhân viên kinh doanh bán hàng. Đến tháng 3/2022, Công ty TNHH phát triển công nghệ MP bàn giao toàn bộ mảng kinh doanh thiết bị chống sét sang cho Công ty TNHH Công nghệ MPT VN (là công ty trong cùng hệ thống). Công ty TNHH Công nghệ MPT VN đã tiếp nhận toàn bộ hoạt động kinh doanh và kho hàng thiết bị chống sét từ Công ty MP. Nguyễn Trường A tiếp tục được Công ty MPT VN ký hợp đồng lao động và phân công

nhệm vụ làm nhân viên quản lý kho hàng, kiêm nhân viên kinh doanh bán hàng cho Công ty MPT VN và được công ty đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2022 đến tháng 8/2022 tại Bảo hiểm Xã hội quận Long Biên, Hà Nội. Trong quá trình làm quản lý kho hàng của Công ty MPT VN, Nguyễn Trường A đã lợi dụng nhệm vụ, quyền hạn được Giám đốc công ty giao nhiều lần chiếm đoạt các mặt hàng là quả thu lôi, thiết bị chống sét của Công ty sau đó chuyển cho Ngô Thị D (sinh năm: 1990; HKTT: Số 2101 H2 Chung cư HUD3 số 60 NĐC, phường TM, quận HM, Hà Nội) để mang đi bán. Sau khi bị Công ty MPT VN phát hiện, ngày 20/9/2022, Nguyễn Trường A đã đến Công an phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của cá nhân và đồng phạm.

Quá trình điều tra xác định như sau:

Năm 2005, Nguyễn Trường A được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty MP, sau đó được chuyển giao sang Công ty MPT VN (là công ty trong cùng hệ thống). Công ty MPT kinh doanh các sản phẩm thiết bị điện, van thu lôi chống sét nhập khẩu từ Pháp về Việt Nam. Giám đốc Công ty MPT VN là bà Trần Thị Thu H giao nhệm vụ cho A trực tiếp quản lý kho hàng tại địa chỉ: Số 8.19 Khu đô thị Khai Sơn - Lý Sơn, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội, kiêm nhân viên kinh doanh.

Theo quy định của Công ty về Quy trình xuất hàng ra khỏi kho: Khi có khách hàng đặt mua sản phẩm của công ty, nhân viên kinh doanh sẽ tiếp nhận đơn đặt hàng; sau đó báo cáo Giám đốc công ty và làm giấy đề nghị xuất hàng theo đúng số lượng, chủng loại khách yêu cầu; Giám đốc công ty đồng ý phê duyệt, nhân viên kinh doanh sẽ đưa phiếu xuất kho đã được duyệt cho Nguyễn Trường A để làm thủ tục xuất hàng ra khỏi kho của Công ty và mang đi giao cho khách. Trường hợp nếu A nhận được đơn của khách hàng, quy trình cũng thực hiện như với các nhân viên kinh doanh khác của công ty. Do A đã có thời gian làm tại công ty MPT, A biết các khách hàng là đơn vị và cá nhân đã mua, bán các thiết bị điện, van thu lôi chống sét của công ty.

Năm 2019, do cần tiền để trả nợ cá nhân, lợi dụng sự tin tưởng của Giám đốc Công ty và lợi dụng sơ hở trong việc quản lý kho của công ty, Nguyễn Trường A đã nảy sinh việc chiếm đoạt một số sản phẩm van thu lôi chống sét của công ty thông qua hình thức vào kho lấy hàng và thuê dịch vụ xe Grap chuyển đến cho Ngô Thị D để bán cho khách theo hướng dẫn của A. Thời gian này, A và D chung sống với nhau như vợ chồng và có hai con chung. A cung cấp cho D số điện thoại của khách mua hàng để D chủ động liên hệ giao dịch. A nói giá bán khoảng từ 01 triệu đồng – 3,5 triệu đồng/bộ van thu lôi chống sét tùy từng loại để D trao đổi, thỏa thuận với khách. Khi D mang hàng đến bán cho khách theo số điện thoại và địa chỉ do A cung cấp, D giới thiệu các sản phẩm chống sét này có

được từ số dư thừa của công trình và bán với giá thanh lý. D cung cấp số tài khoản 19031236081013 của D mở tại ngân hàng TechcomBank để các khách mua chuyển tiền thanh toán. Sau đó, D chuyển tiền cho A, giữ lại một phần để sử dụng chi tiêu sinh hoạt chung. A và D thống nhất, D bán được lô hàng có trị giá trên 50.000.000 đồng, D chủ động giữ lại 5.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt chung; nếu bán được lô hàng có trị giá dưới 50.000.000 đồng, D giữ lại từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng để chi tiêu trong gia đình. Số tiền còn lại đưa hết cho A sử dụng.

Quá trình điều tra xác định từ năm 2019 đến tháng 9/2022, A đã nhiều lần chiếm đoạt các thiết bị van thu lôi chống sét của Công ty MPT và đưa cho D tiêu thụ, cụ thể:

- Ngày 05/6/2021, Nguyễn Trường A lấy 10 bộ thiết bị van thu lôi chống sét, loại HE: 42KV của Công ty MPT và chuyển cho D bán. D mang 10 bộ thiết bị van thu lôi chống sét này bán cho chị Đỗ Thị Thanh H (sinh năm: 1989, trú tại: P1205 chung cư D1 CT2 TNLD, phường HL, quận HM, Hà Nội) với giá 32.000.000 đồng. Đến ngày 31/8/2021, A tiếp tục lấy 03 thiết bị van thu lôi chống sét, loại HE: 48KV của Công ty MPT và đưa cho D. D mang bán cho chị H với giá 17.400.000 đồng. Khi mang số thiết bị van thu lôi chống sét bán cho chị H, D nói đó là hàng dư thừa của công trình nên bán thanh lý. Sau khi nhận tổng số tiền 49.400.000 đồng của chị H, D đưa cho A 45.000.000 đồng, D giữ lại 4.400.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt chung. Đến tháng 6/2021, A vẫn tiếp tục lấy hàng của công ty và chuyển cho D bán. Sau đó, do số lần và số lượng hàng A chuyển cho D ngày càng nhiều nên D nghi vấn về nguồn gốc số hàng này và hỏi A về nguồn gốc hàng. Lúc này, A nói cho D biết số hàng A chuyển cho D mang đi bán đều do A lấy của công ty MPT vì A cần tiền để trả nợ. Sau khi A nói như vậy, D muốn giúp A trả nợ nên đồng ý sẽ tiếp tục giúp A mang hàng đi bán. Khi bán các sản phẩm này cho khách, D đều nói hàng có nguồn gốc dư thừa từ công trình, theo hướng dẫn của A.

- Từ ngày 6/9/2021 đến ngày 15/12/2021, Nguyễn Trường A đã 05 lần lấy tổng số 18 bộ van thu lôi chống sét, loại HE:42KV và HE:48KV của Công ty MPT. Sau đó, A thuê dịch vụ xe Grap chuyển đến cho Ngô Thị D. Sau khi D nhận hàng đã mang bán cho chị Đỗ Thị Thanh H. Chị H đã nhiều lần thanh toán chuyển tiền vào tài khoản số 19031236081013 của D mở tại ngân hàng TechcomBank, tổng số là 76.600.000 đồng. Chị H không bán lại các sản phẩm van thu lôi chống sét đã mua của D cho khách mà sử dụng lắp cho các công trình xây dựng của công ty chị H. Sau khi nhận tiền thanh toán của chị H, D đưa lại cho A để trả nợ và giữ lại khoảng 5 triệu đồng để sử dụng chi tiêu chung.

- Từ ngày 31/11/2021 đến ngày 09/9/2022, Nguyễn Trường A đã 09 lần lấy thiết bị van thu lôi chống sét các loại: HE 12KV và HE:48KV của Công ty MPT.

A không nhớ chính xác số lượng hàng đã lấy. Sau đó, A chuyển cho D. D đã bán cho anh Bùi Xuân B (sinh năm: 1988, trú tại: Xóm 4, thôn D Trang, xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội). Anh B đã nhiều lần chuyển tiền thanh toán vào tài khoản của D mở tại ngân hàng TechcomBank với tổng số là 144.200.000 đồng. D chuyển lại cho A để trả nợ và chỉ giữ lại khoảng 10.000.000 đồng để sử dụng chi tiêu sinh hoạt chung. Sau khi mua các sản phẩm thu hồi chống sét của D, Anh B đã bán cho nhiều khách hàng (không xác định được tên, tuổi và địa chỉ). Anh B hưởng lợi số tiền khoảng 10.000.000 đồng.

- Từ ngày 18/5/2022 đến ngày 23/8/2022, Nguyễn Trường A đã 12 lần lấy tổng số 50 bộ van thu hồi chống sét các loại: 12KV, 24KV, 42KV, 48KV của công ty MPT và chuyển đến cho Ngô Thị D. D mang đến bán cho anh Âu Duy H (sinh năm: 1983, trú tại: Tổ 2 Phường VH, quận LB, Hà Nội) được 146.000.000 đồng. Anh H nhiều lần chuyển tiền thanh toán vào tài khoản của D mở tại ngân hàng TechcomBank. Sau khi nhận được tiền, D chuyển hết vào tài khoản của A, D giữ lại khoảng 8.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt chung. Sau khi mua hàng, Anh H đã bán lại các thiết bị thu hồi chống sét cho các khách hàng. Anh H không xác định được thông tin của khách mua hàng. Anh H đã hưởng lợi khoảng 10.000.000 đồng. Hiện Anh H còn 10 bộ thiết bị van thu hồi chống sét chưa bán. Ngày 22/9/2022, Anh H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Nguyễn Trường A đã thừa nhận, A còn nhiều lần khác lấy các thiết bị thu hồi chống sét của công ty MPT và chuyển cho Ngô Thị D để bán cho nhiều cá nhân nhưng không nhớ thông tin tên, địa chỉ của họ. Tổng số tiền bán các thiết bị thu hồi chống sét mà A lấy của công ty được khoảng hơn 500.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền do khách hàng trả, D đưa cho A để trả nợ, giữ lại khoảng 100.000.000 đồng để sử dụng chi tiêu chung. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên A và D đều không nhớ thông tin của các cá nhân và công ty đã mua hàng của D; không nhớ thời gian, số lần, số lượng hàng đã chiếm đoạt của công ty MPT, không nhớ chính xác số tiền khách hàng đã thanh toán.

Sao kê tài khoản ngân hàng của D không xác định được chính xác số tiền các khách hàng đã thanh toán mua thiết bị thu hồi chống sét của D bởi việc mua bán diễn ra trong thời gian dài, nên D không nhớ được tên, địa chỉ, số tài khoản của khách mua cũng như số lần nhận tiền, không ghi nội dung chuyển khoản thanh toán.

Đến ngày 15/9/2022, do Công ty MPT có khách hàng đặt mua sản phẩm thiết bị thu hồi chống sét với số lượng lớn. Chị H kiểm tra trên sổ theo dõi hàng hóa nhập vào, bán ra thấy đủ số lượng để bán cho khách nên yêu cầu nhân viên lập hợp đồng, phiếu xuất hàng để xuất kho giao cho khách nhưng không thấy A đến công ty làm việc. Chị H chỉ đạo nhân viên là anh Mai Thanh T (sinh năm: 1970, trú tại: số 2.11-A11, phố Khương Thượng, phường Trung Tự, quận Đống

Đa, Hà Nội) tiến hành kiểm kê hàng trong kho và phát hiện số lượng hàng còn tồn không đúng với số lượng hàng được theo dõi trên hệ thống sổ sách kế toán của công ty. Chị H nhiều lần liên hệ với A nhưng không liên lạc được. Nghi vấn A đã lấy hàng của công ty mang đi bán, nên chị H chỉ đạo anh T kiểm kê toàn bộ hàng hóa trong kho và đối chiếu với hóa đơn nhập vào, bán ra của công ty và phát hiện bị thất thoát 1.859 thiết bị van thu lôi chống sét các loại. Chị H nhiều lần liên hệ với A nhưng không được. Chị H liên hệ với gia đình A và thông báo nội dung sự việc, đề nghị gia đình gọi điện cho A, yêu cầu A đến công ty để làm rõ sự việc. Ngày 20/9/2022, A đến gặp chị H và thừa nhận đã lấy số hàng trong kho để mang bán lấy tiền trả nợ. Cùng ngày, A đã đến Công an phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội xin đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Ngày 21/9/2022, Ngô Thị D đã đến Công an quận Long Biên đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 19/9/2022, chị H đại diện Công ty MPT đã cung cấp cho Cơ quan điều tra bảng kê tài sản Công ty MPT đã bị thất thoát. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Trường A xem và xác nhận số các thiết bị thu lôi chống sét theo bảng kê của Công ty MPT cung cấp bị mất là đúng. Toàn bộ số tài sản này A đã giao cho D mang bán để lấy tiền trả nợ và chi tiêu chung. Theo Bảng kê của Công ty MPT thể hiện:

- Thiết bị chống sét HT-S24: 09 quả;
- Thiết bị chống sét HE-S48: 212 quả;
- Thiết bị chống sét HE-S42: 728 quả;
- Thiết bị chống sét HE-S24: 565 quả;
- Thiết bị chống sét HE 21: 30 quả;
- Thiết bị chống sét HE 18R: 85 quả;
- Thiết bị chống sét HE 12: 172 quả;
- Thiết bị chống sét HE 09: 58 quả;

Tổng số thiết bị chống sét các loại mà Công ty MPT bị thất thoát là 1.859 quả, trị giá là: 1.752.692.437 đồng (giá trên chưa bao gồm thuế VTA đã nộp)

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 144 ngày 22/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Long Biên kết luận: Tổng số 1.859 thiết bị thu lôi chống sét các loại chưa qua sử dụng có trị giá 2.112.550.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Ngày 09/01/2023, ông Ngô Văn D1 là bố đẻ của Ngô Thị D tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại cho Công ty MPT số tiền 150.000.000 đồng. Bà H, Giám đốc

Công ty MPT đã nhận số tiền này và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D. Đến nay, Công ty không yêu cầu A và D bồi thường số tiền còn thiếu.

Đối với các cá nhân là anh Âu Dương H, Bùi Xuân B và chị Đỗ Thị Thanh H, quá trình điều tra xác định, khi Ngô Thị D trao đổi mua bán, giới thiệu các thiết bị van thu lôi chống sét với các khách hàng, D cung cấp thông tin là hàng có nguồn gốc dư thừa của công trình không sử dụng nên thanh lý. Do các cá nhân này tin tưởng vào thông tin D giới thiệu và không biết hàng có nguồn gốc do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xem xét trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân này.

*** *Tại Cáo trạng số 54/CT-VKS– P3 ngày 30/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị D về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.***

*** *Tại phiên tòa:***

- Các bị cáo công nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố là đúng, xác nhận không bị oan, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty MPT VN xác nhận nội dung sự việc như Cáo trạng nêu là đúng. Xét quá trình làm việc hơn 17 năm của Nguyễn Trường A tại các Công ty, đóng góp của bị cáo đối với doanh nghiệp, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay, Công ty mong muốn các Cơ quan bảo vệ pháp luật khoan hồng đối với các bị cáo, miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo hoặc xử lý các bị cáo ở mức thấp nhất, tạo điều kiện cho các bị cáo được ở ngoài xã hội, giúp đỡ gia đình, nuôi dưỡng và chăm sóc con nhỏ. Phía Công ty không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 353, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo A 14 đến 15 năm tù; xử phạt bị cáo D từ 05 đến 06 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Công ty MPT VN đã nhận bồi thường 150 triệu đồng, không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự nên không xét. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho Công ty MPT VN 10 bộ thiết bị chống sét Cơ quan điều tra đã thu giữ.

- Những người bào chữa cho các bị cáo đều không có ý kiến về tội danh, điều luật Viện kiểm sát truy tố bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho bị hại số tiền 150 triệu đồng, tại phiên tòa bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình

phạt cho các bị cáo, để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần trách nhiệm hình sự và xử phạt các bị cáo thấp hơn mức án Viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội và các Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng về trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về tội danh đối với các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 9/2022, Nguyễn Trường A là nhân viên quản lý kho hàng của Công ty TNHH Phát triển công nghệ MP sau đó bị cáo chuyển sang làm việc cho Công ty TNHH Công nghệ MPT VN được giao phụ trách kho hàng, kiêm nhân viên kinh doanh bán hàng. Theo sự phân công của Giám đốc Công ty, bị cáo A có nhiệm vụ kiểm đếm, nhập hàng và xuất hàng ra khỏi kho khi có phiếu xuất hàng có phê duyệt của Giám đốc Công ty. Do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Nguyễn Trường A đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong việc được giao quản lý trực tiếp tài sản tại kho hàng để chiếm đoạt tài sản là các thiết bị thu lời, chống sét của Công ty MPT, sau đó chuyển cho Ngô Thị D để bán lấy tiền. Nguyễn Trường A hướng dẫn D về chủng loại hàng, nhãn hiệu và cung cấp cho D số điện thoại, thông tin của khách mua hàng để D liên hệ, trao đổi mua bán với khách. Bị cáo Ngô Thị D biết rõ số hàng hoá A mang về là do bị cáo A chiếm đoạt của Công ty MPT VN, nhưng đã thống nhất với A về việc A tiếp tục chiếm đoạt hàng hoá của Công ty rồi chuyển cho D mang đi bán lấy tiền để A trả nợ và chi tiêu chung. Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến tháng 9/2022, A và D đã nhiều lần chiếm đoạt tài sản của Công ty, tổng số là 1.859 thiết bị thu lời chống sét các loại chưa qua sử dụng tại kho hàng do A trực tiếp quản lý, với tổng trị giá là 2.112.550.000 đồng. Ngày 09/01/2023, gia đình Ngô Thị D đã tự nguyện khắc phục hậu quả, trả cho Công ty

MPT VN số tiền 150.000.000 đồng. Công ty MPT VN không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị các tài sản còn thiếu.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, vi phạm luật hình sự. Các bị cáo là những người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, chiếm đoạt của bị hại tài sản trị giá **2.112.550.000 đồng**. Mặc dù Công ty TNHH Công nghệ MPT VN là doanh nghiệp có vốn ngoài nhà nước, tuy nhiên theo quy định tại khoản 6 Điều 353 Bộ luật hình sự các bị cáo A, D vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Tham ô tài sản*”. Do đó các bị cáo đã phạm tội “*Tham ô tài sản*”, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

2.2. Về vị trí, vai trò và mức hình phạt đối với các bị cáo:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, chiếm đoạt của bị hại tài sản trị giá rất lớn, phạm tội có tính chất đồng phạm, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo lần đầu bị đưa ra truy tố, xét xử; Sau khi phạm tội các bị cáo đều đã ra đầu thú, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng để khắc phục hậu quả vụ án, số tiền còn lại bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm; Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà Công ty bị hại có ý kiến đề nghị miễn xử lý hình sự hoặc giảm nhẹ mức hình phạt đến mức thấp cho các bị cáo, để từ đó giảm nhẹ cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở đánh giá vị trí, vai trò, số tiền chiếm hưởng bất chính của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này bị cáo A là người có vai trò chính, lợi dụng vị trí công tác, trực tiếp chiếm đoạt hàng hoá của bị hại mang về để bị cáo D tiêu thụ; bị cáo A là người cung cấp tên, địa chỉ người mua hàng để bị cáo D đến bán hàng; bị cáo A sử dụng phần lớn số tiền bán hàng hoá của bị hại. Đối với bị cáo D là người đồng phạm giữ vai trò thứ yếu, không đáng kể, trước đó bị cáo D đã chung sống với bị cáo A và có 02 con chung, lệ thuộc vào bị cáo A trong cuộc sống, chịu sự chỉ đạo của bị cáo A; Mặc dù hai bị cáo không phải là vợ chồng, nhưng có 02 con chung, hiện nay bị cáo D là người đang trực

tiếp nuôi dưỡng 02 con nhỏ. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo A mức hình phạt cao hơn đối với bị cáo D. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có điều kiện về kinh tế nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3]. Về các nội dung khác:

- **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại trong vụ án là Công ty MPT VN đã nhận bồi thường 150 triệu đồng từ ông Ngô Văn D1 (bố bị cáo D), và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về xử lý vật chứng:** Trả lại cho Công ty MPT 10 hộp thiết bị chống sét 12kv, nhãn hiệu ENSTO, Cơ quan điều tra đã thu giữ.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh đối với các bị cáo:

- **Tuyên bố các bị cáo:** Nguyễn Trường A, Ngô Thị D phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

2. Về điều luật và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

- **Áp dụng:** điểm a khoản 4 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- **Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường A 13 (mười ba) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2022.

- **Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị D 05 (năm) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt đầu thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2022 đến ngày 06/10/2023.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại trong vụ án là Công ty MPT VN đã nhận bồi thường 150 triệu đồng từ ông Ngô Văn D1 (bố bị cáo D). Đến nay bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Trả lại cho Công ty MPT 10 hộp thiết bị chống sét 12kv, nhãn hiệu ENSTO, chưa qua sử dụng (*Vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 20/10/2023*).

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng: khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Trại tạm giam số 2 CATPHN
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Vũ Quang Huy

